


# PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

|  |   |
|--|---|
| <b>Tên chất hoặc tên sản phẩm: CỒN KHAN 99,9 (CÔNG NGHIỆP)</b><br>Mã số CAS : 67-56-1<br>Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có) : 3 ; 6.1<br>Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có) : Chữa còi |  |
|--|---|

## I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

|  |  |
|--|--|
| - Tên thường gọi của chất : <i>CỒN KHAN 99,9</i>   | Mã sản phẩm (nếu có):  |
| - Tên thương mại : <i>CỒN KHAN 99,9</i>  |  |
| - Tên nhà cung cấp<br><b>CÔNG TY TNHH SX TM QUANG TRUNG</b><br><b>33 Thép Mới, P. 12, Q. Tân Bình, Tp.HCM.</b> | Địa Chỉ Liên Hệ Trong Trường Hợp<br>Khẩn Cấp:<br>Liên hệ: 115 hoặc 114 |
| - Mục đích sử dụng: sử dụng trong phòng thí nghiệm, dung môi ngành in, pha sơn,..                              |  |

## II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

| Tên thành phần nguy hiểm     | Số CAS | Công thức hóa học | Hàm lượng<br>(% theo trọng lượng) |
|------------------------------|--------|-------------------|-----------------------------------|
| Alcohol strength @ 20 deg. C |        |                   | 99,9                              |
| Density @ 20 deg.C           |        |                   | 0.795                             |
| Permanganate time @15 deg.c  |        |                   | 11                                |
| Impurity                     |        |                   |                                   |
| N- Butanol                   |        |                   | Not detected                      |
| Iso-Butanol                  |        |                   | Not detected                      |
| N- Pentanol                  |        |                   | Not detected                      |
| Iso-Pentanol                 |        |                   | Notdetected                       |

## III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

|  |
|--|
| <b>1. Mức xếp loại nguy hiểm</b> (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA... ) nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da,mắt , hệ tiêu hóa, hệ hô hấp. Trường hợp tiếp xúc nghiêm trọng  |
| <b>2. Cảnh báo nguy hiểm</b><br>- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc: dễ cháy<br>- Ô xy hoá mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Hoi nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da. Gây đột biến cho các tế bào soma ở động vật có vú. Là chất gây độc cho mắt, máu, thận, gan, não, hệ thần kinh ngoại biên, hệ hô hấp trên, da, hệ thần kinh trung ương, thần kinh thị giác. Tiếp xúc thời gian dài, nồng độ cao với chất này, cơ thể sẽ tích tụ chất này ở một hoặc nhiều bộ phận trong cơ thể gây ra sự suy giảm sức khỏe.<br>- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng. |
| <b>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</b><br>- Đường mắt : Gây kích ứng mắt, ngứa mắt, đỏ<br>- Đường thở : Gây kích ứng đường hô hấp nghiêm trọng<br>- Đường da : Gây kích ứng da<br>- Đường tiêu hóa : có thể gây kích ứng đường tiêu hóa   |

## IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Lập tức phun một ít nước lên mắt khoảng 15 phút. Thỉnh thoảng nháy mắt. Đưa ngay bệnh nhân đến bệnh viện
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): Lập tức phun một ít nước trên da để khoảng 15 phút. Rửa sạch với xà phòng khử trùng. Bỏ quần áo và giày bị nhiễm bẩn. Rồi đưa bệnh nhân đến bệnh viện
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa nạn nhân đến nơi có không khí thoáng mát, hô hấp nhân tạo. Nếu không thở được đưa ngay đến bệnh viện
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): không gây nôn, mửa. Nếu còn tỉnh cho nạn nhân uống nước. Đưa ngay bệnh nhân đến bệnh viện. Không cho bệnh nhân ăn bất cứ gì khi bị bất tỉnh hoặc bị rối loạn.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có)

## V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): dễ cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** các sản phẩm này là oxit cacbon (CO, CO<sub>2</sub>)
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): rất dễ cháy, nổ khi tiếp xúc với ngọn lửa và tia lửa, nhiệt. Không cháy trong trường hợp va đập, sóc.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** phun nước vào vùng cháy
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** trang phục bảo hộ khi chữa cháy
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): tạo thành một hỗn hợp nổ kèm theo có tia lửa nhỏ. Nổ khi trộn chung methanol với chloroform, natri methoxide và kẽm diethyl. Hỗn hợp này sẽ sôi lên dữ dội và phát nổ.

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:** sử dụng bao tay cao su, mặt nạ chống độc, nước và đất để hạn chế tác động độc hại cho môi trường xung quanh, tránh không cho tràn vào cống.
- 2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng:** là chất lỏng dễ cháy, độc hại. Tránh xa sức nóng. Tránh xa các nguồn phát lửa. Ngăn chặn rò rỉ. Hấp thụ bằng đất khô, cát hoặc vật liệu không dễ cháy khác. Không đổ nước bên trong nơi chứa đựng. Không được chạm vào các chất bị đổ ra. Xịt nước để giảm hơi. Ngăn chặn chảy vào đường cống, hầm hoặc khu vực hạn chế nếu thấy cần thiết. Gọi điện để được hỗ trợ và thông báo ngay đến địa chỉ cần liên hệ khẩn cấp – được ghi trên Phiếu An Toàn Hóa chất – trang 1

## VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...): Tránh xa nguồn nhiệt, tránh xa các nguồn phát lửa, bảo quản nơi thông thoáng, bao bì chứa đựng và vận chuyển đúng theo qui cách sản phẩm (can hoặc bồn nhựa, bao PP/PE). Không được nuốt, không được hít phải khí, khói, hơi. Mặc quần áo bảo hộ. Trong trường hợp thiếu thông thoáng phải mang thiết bị hô hấp thích hợp. Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế ngay và cho họ thấy bình chứa đựng hay nhãn hóa chất. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh xa các chất oxy hóa, kim loại, acid.
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...): lưu trữ trong một khu vực cách ly và được phê duyệt. Giữ bình chứa trong một khu vực mát mẻ, thông thoáng. Bình chứa phải được đóng kín và niêm phong cho đến khi sẵn sàng để sử dụng. Tránh xa tất cả các nguồn gây cháy nổ (tia lửa hoặc ngọn lửa)

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): Cung cấp hệ thống thông gió thoát hơi hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật để giữ nồng độ hơi trong không khí dưới ngưỡng cho phép.
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
  - Bảo vệ mắt: mang kính, mặt nạ chống độc
  - Bảo vệ thân thể: quần áo chống hóa chất
  - Bảo vệ tay: Mang găng tay thích hợp
  - Bảo vệ chân: mang ủng (giày bảo vệ chân)
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố**
- 4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc)

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

|   |   |
|---|---|
| Trạng thái vật lý : Chất lỏng                                   | Điểm sôi (°C) : 66,5°C  |
| Màu sắc : không màu   | Điểm nóng chảy (°C) : -97,8°C   |
| Mùi đặc trưng : mùi hăng  | Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định Chưa có thông tin |
| Áp suất hóa hơi (mm Hg) : 9225mmHg (ở 20°C)                     | Nhiệt độ tự cháy (°C): 320°C  |
| Tỷ trọng hơi (nước = 1) : 0,7915                                | Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin   |
| Độ hòa tan trong nước : dễ hòa tan trong nước nóng và nước lạnh | Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin   |
| Độ PH : chưa có thông tin                                       | Tỷ lệ hoá hơi : Chưa có thông tin   |
| Khối lượng riêng (kg/m <sup>3</sup> ): Chưa có thông tin        | Các tính chất khác nếu có   |

## X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

**1. Tính ổn định:** ổn định ở điều kiện sử dụng và lưu trữ

**2. Khả năng phản ứng:**

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy;
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh);
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...); Phản ứng mạnh với các chất oxi hóa. Phản ứng mạnh với muối alkyl nhôm, bromide acetyl, chloroform + natri methoxide, cromic anhydride, clorit cyanuric, chì perchlorate, phospho trioxide, acid nitric. Phản ứng tỏa nhiệt với natri hydroxide + chloroform. Không tương thích với berili dihydride, kim loại (kali và magie), chất oxi hóa (bari perchlorate, brom, sodium hypochlorite, chlorine, hydrogen peroxide), kali tetrachloride tert-butoxit, carbon, kim loại kiềm, kim loại (nhôm, kali, magie, kẽm) và dichlormethane.
- Phản ứng trùng hợp: không xảy ra

## XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

| Tên thành phần         | Loại ngưỡng | Kết quả     | Đường tiếp xúc | Sinh vật thử |
|------------------------|-------------|-------------|----------------|--------------|
| Cồn khan (công nghiệp) | LD50        | 30.28 mg/kg | Đường miệng    | Chuột        |
| Thành phần 2 (nếu có)  |             |             |                |              |
| Thành phần 3 (nếu có)  |             |             |                |              |

**1. Các ảnh hưởng mãn tính với người** (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): gây đột biến cho các tế bào soma ở động vật có vú. Gây đột biến cho vi khuẩn hoặc nấm men. Gây quái thai. Gây ảnh hưởng cho mắt, máu, thận, gan, hệ thần kinh ngoại biên, hệ hô hấp trên, da, hệ thần kinh trung ương, thần kinh thị giác

**2. Các ảnh hưởng độc khác:** Nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp. Có thể thấm qua nhau thai, ảnh hưởng đến vật chất di truyền gây dị tật bẩm sinh và sinh sản bất lợi.

## XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

### 1. Độc tính với sinh vật

| Tên thành phần         | Loài sinh vật     | Chu kỳ ảnh hưởng  | Kết quả           |
|------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Cồn khan (công nghiệp) | Chưa có thông tin | Chưa có thông tin | Chưa có thông tin |
| Thành phần 2 (nếu có)  |                   |                   |                   |
| Thành phần 3 (nếu có)  |                   |                   |                   |
| Thành phần 4 (nếu có)  |                   |                   |                   |

### 2. Tác động trong môi trường





- Mức độ phân hủy sinh học: gây độc nước (LC50 : 29400 mg/l trong 96 giờ)
- Chỉ số BOD và COD: chưa có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: trong thời gian ngắn không có nguy hiểm, tuy nhiên các sản phẩm phân hủy trong thời gian dài có thể phát sinh.

- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: các sản phẩm phân hủy sinh học ít độc hơn bản thân sản phẩm

### XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. **Thông tin quy định tiêu hủy** : Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm
2. **Xếp loại nguy hiểm của chất thải**: chưa có thông tin
3. **Biện pháp tiêu hủy**: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm
4. **Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý**: chưa có thông tin

### XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

| Tên quy định   | Số UN | Tên vận chuyển đường biển | Loại, nhóm hàng nguy hiểm | Quy cách đóng gói | Nhãn vận chuyển  | Thông tin bổ sung |
|--|-------|---------------------------|---------------------------|-------------------|--|-------------------|
| Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam:<br>- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;<br>- Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hoá nguy hiểm và việc vận tải hàng hoá nguy hiểm trên đường thủy nội địa. | 1230  | Cồn khan công nghiệp      | 3; 6                      | II                | <br>     |                   |
| Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...   | 1230  | Cồn khan công nghiệp      | 3; 6                      | II                | <br> |                   |

### XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. **Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới**: chưa có thông tin
2. **Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**: chưa có thông tin
3. **Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**: chưa có thông tin

### XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu : 01/09/2020

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **CÔNG TY TNHH SX TM QUANG TRUNG**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.